

Số: 647 /QĐ-UBND

Sam Mún, ngày 30 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 325/QĐ-UBND
ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Sam Mún

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ SAM MÚN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ Quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Căn cứ Công văn số 7167/BGDĐT-HSSV ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc trả lời về thực hiện chế độ chính sách đối với học sinh;

Căn cứ Quyết định số 45/2022/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên Ban hành Quy định phân cấp tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý doanh nghiệp thuộc tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Công văn số 2776/SGDĐT-KHTC ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về việc hướng dẫn quy trình, thủ tục xét, thẩm định, phê duyệt đối tượng và thực hiện chính sách đối với học sinh, sinh viên năm học 2025-2026; Công văn số 3254/SGDĐT-KHTC ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về việc trả lời ý kiến của các xã, phường: Mường Lạn, Mường Tùng, Mường Thanh, Na Sơn, Sín Thầu, Thanh An, Thanh Nua, Tủa Chùa liên quan đến chế độ chính sách của học sinh;

Tiếp theo Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Sam Mún về việc phê duyệt danh sách học sinh bán trú các đơn vị trường học cấp Tiểu học, Trung học cơ sở, trường Phổ thông dân tộc bán trú thuộc xã Sam Mún được hưởng chính sách theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ, năm học 2025-2026 (từ tháng 09/2025 đến hết tháng 05/2026);

Sau khi xem xét Công văn số 279/CV- ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Tổ thẩm định, xét duyệt hồ sơ trẻ em nhà trẻ bán trú, học sinh bán trú các đơn vị trường học thuộc xã Sam Mứn về việc đề nghị điều chỉnh danh sách học sinh được hưởng chính sách theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Văn hoá - Xã hội xã Sam Mứn tại Tờ trình số 120/TTr-VHXX ngày 30 tháng 10 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Sam Mứn về việc Phê duyệt danh sách học sinh bán trú các đơn vị trường học cấp Tiểu học, Trung học cơ sở, trường Phổ thông dân tộc bán trú thuộc xã Sam Mứn được hưởng chính sách theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ, năm học 2025-2026 (từ tháng 09/2025 đến hết tháng 05/2026); cụ thể như sau:

1. Về số học sinh bán trú đủ điều kiện được hỗ trợ:

Tại khoản 1, điều 1 của Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Sam Mứn: “Tổng số học sinh bán trú đủ điều kiện được hỗ trợ: 315 học sinh bán trú (trong đó Trường Trung học cơ sở Pom Lót là 32 học sinh bán trú)”.

Nay điều chỉnh thành: “Tổng số học sinh bán trú đủ điều kiện được hỗ trợ: 316 học sinh bán trú (trong đó Trường Trung học cơ sở Pom Lót là 33 học sinh bán trú)”.

2. Về tổng kinh phí, số gạo được hỗ trợ năm học 2025-2026 (từ tháng 09/2025 đến hết tháng 05/2026):

Tại khoản 2, điều 1 của Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Sam Mứn:

“Tổng số tiền được hỗ trợ: 2.799.360.000 nghìn đồng (Hai tỷ bảy trăm chín mươi chín triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng), trong đó:

+ Tổng số tiền ăn được hỗ trợ: 2.653.560.000 nghìn đồng (Hai tỷ sáu trăm năm mươi ba triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

+ Tổng số tiền nhà ở được hỗ trợ: 145.800.000 nghìn đồng (Một trăm bốn mươi năm triệu tám trăm nghìn đồng)”.

- Tổng số gạo được hỗ trợ: 42.525 kg”.

Nay điều chỉnh thành:

“Tổng số tiền được hỗ trợ: 2.765.664.000 nghìn đồng (Hai tỷ bảy trăm sáu mươi năm triệu sáu trăm sáu mươi tư nghìn đồng), trong đó:

+ Tổng số tiền ăn được hỗ trợ: 2.661.984.000 nghìn đồng (Hai tỷ sáu trăm sáu mươi một triệu chín trăm tám mươi tư nghìn đồng).

Số: 647 /QĐ-UBND

Sam Mún, ngày 30 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 325/QĐ-UBND
ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Sam Mún**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ SAM MÚN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ Quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Căn cứ Công văn số 7167/BGDĐT-HSSV ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc trả lời về thực hiện chế độ chính sách đối với học sinh;

Căn cứ Quyết định số 45/2022/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên Ban hành Quy định phân cấp tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý doanh nghiệp thuộc tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Công văn số 2776/SGDĐT-KHTC ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về việc hướng dẫn quy trình, thủ tục xét, thẩm định, phê duyệt đối tượng và thực hiện chính sách đối với học sinh, sinh viên năm học 2025-2026; Công văn số 3254/SGDĐT-KHTC ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về việc trả lời ý kiến của các xã, phường: Mường Lạn, Mường Tùng, Mường Thanh, Na Sơn, Sín Thầu, Thanh An, Thanh Nua, Tủa Chùa liên quan đến chế độ chính sách của học sinh;

Tiếp theo Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Sam Mún về việc phê duyệt danh sách học sinh bán trú các đơn vị trường học cấp Tiểu học, Trung học cơ sở, trường Phổ thông dân tộc bán trú thuộc xã Sam Mún được hưởng chính sách theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ, năm học 2025-2026 (từ tháng 09/2025 đến hết tháng 05/2026);

Sau khi xem xét Công văn số 279/CV- ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Tổ thẩm định, xét duyệt hồ sơ trẻ em nhà trẻ bán trú, học sinh bán trú các đơn vị trường học thuộc xã Sam Mứn về việc đề nghị điều chỉnh danh sách học sinh được hưởng chính sách theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Văn hoá - Xã hội xã Sam Mứn tại Tờ trình số 120/TTr-VHXXH ngày 30 tháng 10 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Sam Mứn về việc Phê duyệt danh sách học sinh bán trú các đơn vị trường học cấp Tiểu học, Trung học cơ sở, trường Phổ thông dân tộc bán trú thuộc xã Sam Mứn được hưởng chính sách theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ, năm học 2025-2026 (từ tháng 09/2025 đến hết tháng 05/2026); cụ thể như sau:

1. Về số học sinh bán trú đủ điều kiện được hỗ trợ:

Tại khoản 1, điều 1 của Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Sam Mứn: “Tổng số học sinh bán trú đủ điều kiện được hỗ trợ: 315 học sinh bán trú (trong đó Trường Trung học cơ sở Pom Lót là 32 học sinh bán trú)”.

Nay điều chỉnh thành: “Tổng số học sinh bán trú đủ điều kiện được hỗ trợ: 316 học sinh bán trú (trong đó Trường Trung học cơ sở Pom Lót là 33 học sinh bán trú)”.

2. Về tổng kinh phí, số gạo được hỗ trợ năm học 2025-2026 (từ tháng 09/2025 đến hết tháng 05/2026):

Tại khoản 2, điều 1 của Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Sam Mứn:

“Tổng số tiền được hỗ trợ: 2.799.360.000 nghìn đồng (Hai tỷ bảy trăm chín mươi chín triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng), trong đó:

+ Tổng số tiền ăn được hỗ trợ: 2.653.560.000 nghìn đồng (Hai tỷ sáu trăm năm mươi ba triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

+ Tổng số tiền nhà ở được hỗ trợ: 145.800.000 nghìn đồng (Một trăm bốn mươi năm triệu tám trăm nghìn đồng)”.

- Tổng số gạo được hỗ trợ: 42.525 kg”.

Nay điều chỉnh thành:

“Tổng số tiền được hỗ trợ: 2.765.664.000 nghìn đồng (Hai tỷ bảy trăm sáu mươi năm triệu sáu trăm sáu mươi tư nghìn đồng), trong đó:

+ Tổng số tiền ăn được hỗ trợ: 2.661.984.000 nghìn đồng (Hai tỷ sáu trăm sáu mươi một triệu chín trăm tám mươi tư nghìn đồng).

+ Tổng số tiền nhà ở được hỗ trợ: 103.680.000 nghìn đồng (Một trăm linh ba triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng)".

- Tổng số gạo được hỗ trợ: 42.660 kg".

(có Biểu phê duyệt điều chỉnh kinh phí và danh sách học sinh bán trú Trường THCS Pom Lót kèm theo)

3. Các nội dung khác: Tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Sam Mứn về việc phê duyệt danh sách học sinh bán trú các đơn vị trường học cấp Tiểu học, Trung học cơ sở, trường Phổ thông dân tộc bán trú thuộc xã Sam Mứn được hưởng chính sách theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ, năm học 2025-2026 (từ tháng 09/2025 đến hết tháng 05/2026).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Giao Hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở Pom Lót, xã Sam Mứn thực hiện chi trả kinh phí, chế độ hỗ trợ cho học sinh bán trú đảm bảo theo đúng quy định hiện hành.

- Giao Phòng Văn hóa - Xã hội xã phối hợp với Phòng Kinh tế xã kiểm tra việc thực hiện chi trả kinh phí, chế độ hỗ trợ cho học sinh bán trú của các đơn vị trường học.

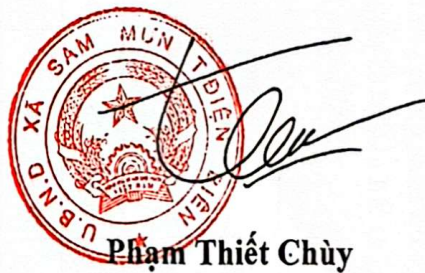
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã; Trưởng các phòng: Văn hóa - Xã hội, Kinh tế xã; Hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở Pom Lót; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Giáo dục và Đào tạo (B/c);
- Sở Tài chính (B/c);
- TT Đảng ủy xã (B/c);
- TT HĐND xã (B/c);
- Đảng ủy UBND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu: VT, VHXXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Thiết Chùy

BIỂU PHÊ DUYỆT KINH PHÍ

Hỗ trợ tiền ăn, hỗ trợ tiền nhà ở, hỗ trợ gạo cho học sinh bán trú các đơn vị trường học cấp Tiểu học,
Trung học cơ sở, trường Phổ thông dân tộc bán trú thuộc xã Sam Mún được hưởng chính sách theo Nghị định số
66/2025/NB-CP, ngày 12/3/2025 của Chính phủ, năm học 2025-2026 (từ tháng 09/2025 đến hết tháng 05/2026)
(Kèm theo Quyết định số 647/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025

của Ủy ban nhân dân xã Sam Mún)

TT	Tên cơ sở giáo dục	Số lượng học sinh bán trú	Số tháng hỗ trợ	Tiền ăn, tiền nhà ở được hỗ trợ/năm			Tổng số gạo được hỗ trợ/năm (kg)	Ghi chú
				Tổng số tiền hỗ trợ/năm (nghìn đồng)	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/năm (nghìn đồng)	Tổng số tiền ở được hỗ trợ/năm (nghìn đồng)		
1	Trường Trung học cơ sở Pom Lót	33	09	339.552.000	277.992.000	61.560.000	4.455	
2	Trường Tiểu học Pom Lót	13	09	151.632.000	109.512.000	42.120.000	1.755	
3	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và Trung học cơ sở Na U	270	09	2.274.480.000	2.274.480.000	0	36.450	
Tổng:		316		2.765.664.000	2.661.984.000	103.680.000	42.660	

Sam Mún, ngày 30 tháng 12 năm 2025
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH


Phạm Thiết Chửu

UBND XÃ SAM MŨN**DANH SÁCH PHẾ DUYỆT****Biểu số 1B**

Học sinh bán trú Trường Trung học cơ sở Póm Lót, xã Sam Mún được hưởng chính sách theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP, ngày 12/3/2025 của Chính phủ, năm học 2025-2026 (từ tháng 09/2025 đến hết tháng 05/2026)
(Kèm theo Quyết định số 647/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Sam Mún)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng (ngàn đồng)	Tiền nhà ở được hỗ trợ/tháng (ngàn đồng)	Số gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn, tiền nhà ở được hỗ trợ/năm (ngàn đồng)			Tổng số gạo được hỗ trợ/năm (kg)	Ghi chú
							Tổng số tiền hỗ trợ/năm	Tổng số tiền ăn hỗ trợ/năm	Tổng số tiền nhà ở hỗ trợ/năm		
1	Lò Minh Đức	15/02/2011	936.000	360.000	15	09	8.424.000	8.424.000		135	Bản Na Hai, xã Sam Mún
2	Quàng Thị Yến Nhi	10/10/2011	936.000	360.000	15	09	8.424.000	8.424.000		135	Bản Na Hai, xã Sam Mún
3	Cà Thị Hiền	05/06/2011	936.000	360.000	15	09	8.424.000	8.424.000		135	Bản Na Hai, xã Sam Mún
4	Nguyễn Quang Linh	25/02/2011	936.000	360.000	15	09	11.664.000	8.424.000	3.240.000	135	
5	Nguyễn Quang Vinh	13/10/2011	936.000	360.000	15	09	11.664.000	8.424.000	3.240.000	135	
6	Lò Minh Chiêu	16/08/2011	936.000	360.000	15	09	11.664.000	8.424.000	3.240.000	135	
7	Lò Thị Tường Vy	01/06/2011	936.000	360.000	15	09	8.424.000	8.424.000		135	Bản Na Hai, xã Sam Mún
8	Lương Phương Thảo	15/05/2011	936.000	360.000	15	09	11.664.000	8.424.000	3.240.000	135	
9	Nông Thành Đạt	16/09/2012	936.000	360.000	15	09	8.424.000	8.424.000		135	Bản Na Hai, xã Sam Mún
10	Lò Hồng Quyết	06/04/2012	936.000	360.000	15	09	8.424.000	8.424.000		135	Bản Na Hai, xã Sam Mún
11	Hoàng Nhi	22/07/2012	936.000	360.000	15	09	8.424.000	8.424.000		135	Bản Na Hai, xã Sam Mún
12	Nguyễn Bình An	12/07/2012	936.000	360.000	15	09	11.664.000	8.424.000	3.240.000	135	
13	Lò Thủy Hà	11/08/2012	936.000	360.000	15	09	11.664.000	8.424.000	3.240.000	135	
14	Nguyễn Hà Thảo My	30/01/2012	936.000	360.000	15	09	11.664.000	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng (ngàn đồng)	Tiền nhà ở được hỗ trợ/tháng (ngàn đồng)	Số gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn, tiền nhà ở được hỗ trợ/năm (ngàn đồng)			Tổng số gạo được hỗ trợ/năm (kg)	Ghi chú
							Tổng số tiền hỗ trợ/năm	Tổng số tiền ăn hỗ trợ/năm	Tổng số tiền nhà ở hỗ trợ/năm		
15	Phan Dương Bích Ngọc	05/07/2012	936.000	360.000	15	09	11.664.000	8.424.000	3.240.000	135	
16	Trần Nhật Minh	02/09/2012	936.000	360.000	15	09	11.664.000	8.424.000	3.240.000	135	
17	Quảng Văn Tuấn	02/06/2012	936.000	360.000	15	09	8.424.000	8.424.000		135	Bản Na Hai, xã Sam Mút
18	Lò Văn Đức Phong	10/08/2013	936.000	360.000	15	09	8.424.000	8.424.000		135	Bản Na Hai, xã Sam Mút
19	Lò Thị Như Quỳnh	17/12/2013	936.000	360.000	15	09	8.424.000	8.424.000		135	Bản Na Hai, xã Sam Mút
20	Tùng Thị Quyên Thảo	24/07/2013	936.000	360.000	15	09	8.424.000	8.424.000		135	Bản Na Hai, xã Sam Mút
21	Tùng Thị Minh Tuệ	24/02/2013	936.000	360.000	15	09	8.424.000	8.424.000		135	Bản Na Hai, xã Sam Mút
22	Quảng Nhật Linh	09/09/2013	936.000	360.000	15	09	11.664.000	8.424.000	3.240.000	135	
23	Nguyễn Ngọc Hà Ly	05/12/2013	936.000	360.000	15	09	11.664.000	8.424.000	3.240.000	135	
24	Quảng Thị Lan Anh	08/11/2013	936.000	360.000	15	09	11.664.000	8.424.000	3.240.000	135	
25	Quảng Thị Ly Na	02/02/2013	936.000	360.000	15	09	8.424.000	8.424.000		135	Bản Na Hai, xã Sam Mút
26	Đỗ Nhã Uyên	16/09/2013	936.000	360.000	15	09	11.664.000	8.424.000	3.240.000	135	
27	Lò Thanh Hoàn	23/06/2014	936.000	360.000	15	09	11.664.000	8.424.000	3.240.000	135	
28	Lò Thiết Như	22/12/2014	936.000	360.000	15	09	11.664.000	8.424.000	3.240.000	135	
29	Phạm Hoài An	18/06/2014	936.000	360.000	15	09	11.664.000	8.424.000	3.240.000	135	
30	Lò Thị Thanh Thủy	17/03/2014	936.000	360.000	15	09	11.664.000	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng (nguyên đồng)	Tiền nhà ở được hỗ trợ/tháng (nguyên đồng)	Số gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn, tiền nhà ở được hỗ trợ/năm (nguyên đồng)			Tổng số gạo được hỗ trợ/năm (kg)	Ghi chú
							Tổng số tiền hỗ trợ/năm	Tổng số tiền ăn hỗ trợ/năm	Tổng số tiền nhà ở hỗ trợ/năm		
31	Mùa Quyền Nga	12/02/2014	936.000	360.000	15	09	11.664.000	8.424.000	3.240.000	135	
32	Mùa Chí Công	05/06/2014	936.000	360.000	15	09	11.664.000	8.424.000	3.240.000	135	
33	Lương Minh Khôi	04/11/2014	936.000	360.000	15	09	8.424.000	8.424.000		135	Bản Na Hai, xã Sam Múm
	Tổng cộng:						339.552.000	277.992.000	61.560.000	4.455	

Danh sách này có 33 học sinh bản trú/.

Sam Múm, ngày 30 tháng 12 năm 2025

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

